
TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
Công ty CP Viễn Thông Điện Tử Vinacap
Báo cáo tài chính
Quý I năm 2012

02.306413.0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/01/2012
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		465,732,054,742	508,243,847,019
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		15,295,275,048	12,629,215,111
111	1 Tiền	3	6,495,275,048	12,129,215,111
112	2 Các khoản tương đương tiền		8,800,000,000	500,000,000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		200,640,762,754	316,367,125,619
131	1 Phải thu của khách hàng		152,036,154,044	265,334,570,319
132	2 Trả trước cho người bán		48,124,157,937	50,712,619,720
135	3 Các khoản phải thu khác	4	480,450,773	319,935,580
140	IV Hàng tồn kho		242,837,992,950	174,223,806,561
141	1 Hàng tồn kho	5	242,837,992,950	174,223,806,561
150	V Tài sản ngắn hạn khác		6,958,023,990	5,023,699,728
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		584,013,584	-
152	1 Thuế GTGT được khấu trừ		2,756,048,164	2,241,615,292
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	263,754,125	-
158	2 Tài sản ngắn hạn khác		3,354,208,117	2,782,084,436
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		79,066,655,137	86,913,193,614
220	II Tài sản cố định		65,963,886,101	70,221,423,117
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	65,963,886,101	70,221,423,117
222	- Nguyên giá		90,492,321,562	93,770,732,517
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(24,528,435,461)	(23,549,309,400)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		4,500,000,000	4,500,000,000
251	1 Đầu tư vào công ty con	8	4,500,000,000	4,500,000,000
252	1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
260	V Tài sản dài hạn khác		8,602,769,036	12,191,770,497
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	9	8,602,769,036	12,191,770,497
10	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		544,798,709,879	595,157,040,633

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012
 (tiếp theo)

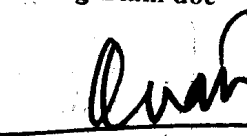
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/01/2012
300	A NỢ PHẢI TRẢ		372,586,073,523	425,280,150,323
310	I Nợ ngắn hạn			
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	10	372,586,073,523	425,280,150,323
312	2 Phải trả người bán		222,308,843,291	284,605,524,258
313	3 Người mua trả tiền trước		100,496,231,918	113,043,768,179
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	34,712,314,620	4,799,467,217
	4.1 Thuế GTGT		8,434,003,701	16,561,406,619
	4.2 Thuế Tiêu thụ đặc biệt		6,423,009,101	14,774,120,532
	4.3 Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	-
	4.4 Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-	89,411,223
	4.5 Thuế TNCN		2,010,594,600	1,676,591,201
	4.6 Thuế Tài nguyên		-	21,283,663
	4.7 Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	-
	4.8 Các loại thuế khác		-	-
	4.9 Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-
315	5 Phải trả người lao động		-	-
316	6 Chi phí phải trả	12	1,129,309,021	356,519,014
319	7 Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	875,601,020	534,335,766
321	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,251,025,741	4,853,255,241
	11.1 Quỹ khen thưởng		378,744,211	525,874,029
	11.2 Quỹ phúc lợi		317,913,653	381,913,653
	11.3 Quỹ thưởng ban điều hành cty		60,617,772	143,747,590
			212,786	212,786
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		172,212,636,356	169,876,890,310
410	I Vốn chủ sở hữu	15	172,212,636,356	169,876,890,310
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150,000,000,000	150,000,000,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		5,044,700,000	5,044,700,000
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1,311,797,099)
417	2 Quỹ đầu tư phát triển		3,994,504,741	3,994,504,741
418	3 Quỹ dự phòng tài chính		1,997,252,370	1,997,252,370
420	4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11,176,179,245	10,152,230,298
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		544,798,709,879	595,157,040,633

Kế toán trưởng


 Vũ Hồng Hạnh

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Tổng Giám đốc


 Ngô Hồng Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I/2012

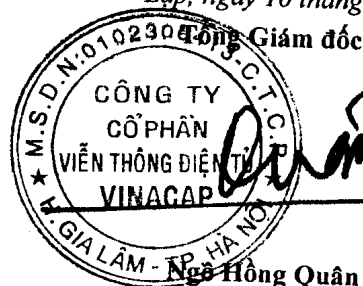
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý I/2012	Quý I/2011
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	292,871,312,290	284,390,271,974
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		6,062,421,845	268,050,935
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		286,808,890,445	284,122,221,039
11	4 Giá vốn hàng bán	17	267,628,241,645	251,580,305,883
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19,180,648,800	32,541,915,156
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	18	35,776,971	1,890,302,320
22	7 Chi phí tài chính	19	8,923,638,172	16,065,538,773
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7,612,016,494	8,760,163,084
24	8 Chi phí bán hàng		7,207,285,389	12,000,622,936
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		1,696,479,768	3,266,572,226
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1,389,022,442	3,099,483,541
31	11 Thu nhập khác		2,889,670,049	-
32	12 Chi phí khác		2,920,340,145	30,996,417
40	13 Lợi nhuận khác		(30,670,096)	(30,996,417)
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,358,352,346	3,068,487,124
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	334,403,399	778,182,973
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,023,948,947	2,290,304,151
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19		

Kế toán trưởng



Vũ Hồng Hạnh

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012



Nguyễn Hồng Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý I/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý I/2012	Quý I/2011
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác			
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		232,431,385,914	195,128,342,643
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(139,443,571,355)	(262,269,087,652)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(3,006,929,435)	(6,359,720,622)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(7,612,016,494)	(9,328,459,282)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(5,085,958,295)
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		2,992,707,763	10,396,705,759
20			(21,335,197,483)	(27,851,334,811)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.026,378,910	(105,369,512,260)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(21,409,091)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	
27	4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,889,581,818	-
30			35,781,970	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2,925,363,788	(21,409,091)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	18,091,700,000
33	2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		84,494,028,507	169,958,908,428
34	3 Tiền chi trả nợ gốc vay		(148,779,711,268)	(105,646,879,663)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(10,223,130,000)
40			(64,285,682,761)	72,180,598,765
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2,666,059,937	(33,210,322,586)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12,629,215,111	80,933,488,144
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	15,295,275,048	47,723,165,558

Kế toán trưởng



Vũ Hồng Hạnh

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012



Ngô Hồng Quân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quy I/2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Viễn Thông Điện Tử Vinacap là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Trụ sở chính của Công ty tại: Độc Văn - Xã Yên Viên - Huyện Gia Lâm - Hà Nội.

Văn phòng Giao dịch - Số 25 Ngõ 5 Phố Láng Hạ - Phường Thành Công - Quận Ba Đình - Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện Tử Vinacap là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103018208 ngày 28 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 11 năm 2010 - số đăng ký kinh doanh là 0102306413 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị tiếp nhận một phần tài sản, công nghệ sản xuất cũng như con người và kế thừa hoạt động của Công ty liên doanh cấp Vinadaesung đã chấm dứt hoạt động do hết thời hạn liên doanh. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện tử) và cáp; Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;
- Sản xuất kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác;
- Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng;
- Mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp, vật liệu điện công nghiệp- dân dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học. Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Môi giới thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
- Công nghệ thông tin
- Sửa chữa thiết bị liên lạc
- In ấn
- Sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất pin, ác quy, thiết bị điện chiếu sáng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông
- Kinh doanh bất động sản
- Quảng cáo thương mại
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại
- Bán lẻ đồ điện gia dụng
- Dịch vụ GTGT trên mạng và
- Đại lý viễn thông, đại lý bảo hiểm

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn). Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	08-10 năm
- Phương tiện vận tải	08-10 năm
- Thiết bị văn phòng và TS khác	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt, sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Hiện tại, Công ty có hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại. Vì vậy, tỉ lệ thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở tỉ lệ giữa doanh thu thương mại chiếm trong tổng doanh thu của đơn vị.

3 . TIỀN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	1,924,347,928	1,560,790,223
Tiền gửi ngân hàng	4,570,927,120	10,568,424,888
Các khoản tương đương tiền	8,800,000,000	500,000,000
Cộng	15,295,275,048	12,629,215,111

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu người lao động	110,417,741	-
Phải thu khác	370,033,032	319,935,580
- BHYT phải thu Công nhân viên	218,730,342	229,073,890
- Phải thu khác	151,302,690	90,861,690
Cộng	480,450,773	319,935,580

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	11,107,551,612	13,169,078,360
Công cụ, dụng cụ	550,000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26,465,955,205	31,658,201,885
Thành phẩm	9,567,669,145	8,315,163,793
Hàng hoá	195,603,796,214	120,988,891,749
Hàng gửi đi bán	92,470,774	92,470,774
Cộng giá gốc hàng tồn kho	242,837,992,950	174,223,806,561

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	260,795,310	-
Thuế TNCN	2,958,815	-
Cộng	263,754,125	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	7,344,028,815	78,346,109,624	7,980,062,359	87,319,219	13,212,500	93,779,732,517
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	3,278,410,955	-	-	-	3,278,410,955
- Thanh lý, nhượng bán	-	3,278,410,955	-	-	-	3,278,410,955
4. Số dư cuối năm	7,344,028,815	75,067,698,669	7,980,062,359	87,319,219	13,212,500	90,491,321,562
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1,339,226,808	20,806,373,967	1,346,213,821	52,099,709	5,395,095	23,549,309,400
2. Số tăng trong năm	91,800,363	1,107,205,506	154,487,685	4,111,755	330,312	1,357,935,621
- Trích khấu hao	91,800,363	1,107,205,506	154,487,685	4,111,755	330,312	1,357,935,621
3. Số giảm trong năm	-	378,809,560	-	-	-	378,809,560
- Thanh lý, nhượng bán	-	378,809,560	-	-	-	378,809,560
4. Số dư cuối năm	1,431,027,171	21,534,769,913	1,500,701,506	56,211,464	5,725,407	24,528,435,461
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	6,004,802,007	57,539,735,657	6,633,848,538	35,219,510	7,817,405	70,221,423,117
2. Cuối năm	5,913,001,644	53,532,928,756	6,479,360,853	31,107,755	7,487,093	65,963,886,101

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và khai thác Dịch vụ Viễn thông Việt Nam</i>	<i>4,500,000,000</i>	<i>4,500,000,000</i>
Cộng	4,500,000,000	4,500,000,000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động kinh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Dịch vụ Viễn thông Việt Nam	Hà Nội	44.64%	44.64%	Xây dựng hạ tầng

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Số dư đầu năm	12,191,770,497	1,336,831,472
Số tăng trong năm	26,742,000	18,569,813,898
Số đã kết chuyển vào CF SX KD trong kỳ	(3,615,743,461)	(7,714,874,873)
Cộng	8,602,769,036	12,191,770,497

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	222,308,843,291	284,605,524,258
- Vay VND	60,584,870,922	94,257,192,368
+ Vay tại HSBC	16,560,000,000	49,002,232,870
+ Vay tại Liên Việt	1,434,368,269	-
+ Vay tại MSB	42,590,502,653	45,254,959,498
- Vay USD	161,723,972,369	190,348,331,890
+ Vay tại Liên Việt (638.190\$)	13,175,491,320	19,809,120,275
+ Vay tại MSB	148,548,481,049	170,539,211,615
Cộng	222,308,843,291	284,605,524,258

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT hàng bán, hàng nhập khẩu	6,423,009,101	14,774,120,532
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	89,411,223
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2,010,994,600	1,676,591,201
Thuế Thu nhập cá nhân	-	21,283,663
Cộng	8,434,003,701	16,561,406,619

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền ăn ca tháng	4,515,000	
Tiền vận chuyển	666,229,896	
Tiền điện lưới	63,819,560	
Chi phí phải trả báo hành	23,066,001	
Chi phí phải trả khác	12,701,663	429,066,866
Trợ cấp thôi việc	105,268,900	105,268,900
Cộng	875,601,020	534,335,766

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	22,763,829	22,299,622
Bảo hiểm xã hội	126,433,874	65,951,014
Bảo hiểm thất nghiệp	9,171,704	5,971,352
Phải trả tiền đặt cọc khách hàng	-	625,570,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,092,656,334	4,133,463,253
Cộng	4,251,025,741	4,853,255,241

15 : VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	134,966,000,000	2,000,000,000	11,155,050,781	3,994,504,741	1,997,252,370	15,500,832,844	169,613,640,736
Tăng vốn trong năm trước	15,034,000,000	3,044,700,000	-	-	-	-	18,078,700,000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	8,274,527,454	8,274,527,454
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	13,623,130,000	13,623,130,000
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1,311,797,099	-	-	-	1,311,797,099
Hoàn nhập CL đánh giá CN	-	-	11,155,050,781	-	-	-	11,155,050,781
Số dư cuối năm trước	150,000,000,000	5,044,700,000	(1,311,797,099)	3,994,504,741	1,997,252,370	10,152,230,298	169,876,890,310
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	1,023,948,947	1,023,948,947
Hoàn nhập CL đánh giá CN	-	-	(1,311,797,099)	-	-	-	(1,311,797,099)
Số dư cuối năm nay	150,000,000,000	5,044,700,000	-	3,994,504,741	1,997,252,370	11,176,179,245	172,212,636,356

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	150,000,000,000	134,966,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	15,034,000,000
- Vốn góp cuối năm	150,000,000,000	150,000,000,000

c) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	3,994,504,741	3,994,504,741
Quỹ dự phòng tài chính	1,997,252,370	1,997,252,370
Cộng	5,991,757,111	5,991,757,111

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	272,218,481,949	247,359,829,307
Doanh thu bán các thành phẩm	14,407,020,488	35,787,391,732
Doanh thu dịch vụ	183,388,008	975,000,000
Cộng	286,808,890,445	284,122,221,039

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Giá vốn của hàng hoá	251,784,941,408	220,651,518,172
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15,843,300,237	29,987,530,111
Giá vốn của dịch vụ	-	941,257,600
Cộng	267,628,241,645	251,580,305,883

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35,776,971	1,811,528,020
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	78,774,300
Cộng	35,776,971	1,890,302,320

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Lãi tiền vay	7,612,016,494	8,760,163,084
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	741,196,842	6,164,997,074
Chi phí tài chính khác	570,424,836	1,140,378,615
Cộng	8,923,638,172	16,065,538,773

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I/2012 VND	Quý I/2011 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	334,403,399	778,182,973
Cộng	<u>334,403,399</u>	<u>778,182,973</u>

Kế toán trưởng



Xu Hồng Hạnh

Lập, ngày 10 tháng 04 năm 2012

Tổng Giám đốc

